

Số: **15** /2019/QĐ-UBND

Vinh Phúc, ngày **29** tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc**

CÔNG THÔNG BÁO GIÁC TIẾP ĐIỆN

Số: **15/19**.....

Ngày: **03/1/2019**.....

Chuyển: .....

Lưu hồ sơ: **Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;**

**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;**

**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;**

**Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;**

**Căn cứ Thông báo số 02/TB-TTHĐND ngày 19/02/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vinh Phúc thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp thường trực ngày 19/02/2019;**

**Căn cứ Báo cáo số 234/BC-STP ngày 07/12/2018 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;**

**Căn cứ ý kiến thống nhất tại Hội nghị lãnh đạo UBND tỉnh họp ngày 10/01/2019;**

**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 863/TTr-STC ngày 13/12/2018.**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc. Cụ thể như sau:**

*Đơn vị tính: m<sup>2</sup>*

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Diện tích tối đa sử dụng cho hoạt động:				
		Tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	Tiếp dân	Quản trị hệ thống công nghệ thông tin	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	Kho chuyên ngành

I	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.					
1	Có số cán bộ, công chức, người lao động dưới 50 người.	50	40	40	150	300
2	Cơ sở cán bộ, công chức, người lao động từ 50 -100 người	60	50	40	180	400
3	Có số cán bộ, công chức, người lao động từ 100 người trở lên	60	50	40	200	400
II	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	200	100	40	1.200	500
III	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.	50	50	20	300	150
IV	Đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc UBND các huyện, thành phố hoặc tương đương (trừ các đơn vị có tên tại mục III nêu trên)	40	35	30	150	200

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng.**

Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện.**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm sắp xếp, bố trí, quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng định mức và các văn bản quy định hiện hành, đảm bảo thực hiện có hiệu quả, toàn diện các nhiệm vụ của đơn vị.

2. Giao Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện, triển khai thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp về diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

4. Đối với diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 và khoản 4 Điều 12, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/4/2019.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
  - Bộ Tài chính;
  - Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
  - Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
  - Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Các Ban Đảng, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
  - Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
  - Viện KSND tỉnh, Tòa án ND tỉnh;
  - Văn phòng Tỉnh ủy;
  - Văn phòng HĐND tỉnh;
  - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
  - Báo Vĩnh Phúc;
  - Cổng thông tin giao tiếp điện tử tỉnh;
  - CPVP,
  - Trung tâm Tin học - Công báo;
  - Như Điều 4;
  - Lưu: VT, KT3.
- (H 210 bản)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Duy Thành**